

Số: 06/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 31/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

2. Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài[\[1\]](#)^[2].

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam; đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài; việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư; chuyển lợi nhuận, thu nhập hợp pháp và vốn đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam.

2. Các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí và hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định 83/2015/NĐ-CP).

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch thu, chi theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi là tài khoản vốn đầu tư).

3. Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định 83/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là tài khoản ngoại tệ trước đầu tư).

4. Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước các thông tin về nhà đầu tư, vốn đầu tư, tài khoản vốn đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép để thực hiện hoạt động đầu tư tại nước ngoài và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

5. Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư thực hiện đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này khi có phát sinh thay đổi liên quan đến nhà đầu tư, vốn đầu tư, tài khoản vốn đầu tư, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước.

6. Xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài là việc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

7. Xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài là việc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Đồng tiền sử dụng để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

Đồng tiền sử dụng để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

1. Ngoại tệ.
2. Đồng Việt Nam trong trường hợp chuyển vốn đầu tư sang quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư mà Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó có ký kết thỏa thuận, hiệp định song phương, đa phương quy định về việc cho phép sử dụng đồng Việt Nam trong các giao dịch thanh toán, chuyển tiền.

Chương II

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 5. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư bằng 01 (một) loại ngoại tệ phù hợp với nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép và đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương III Thông tư này trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam, nhà đầu tư được mở và sử dụng đồng thời 01 (một) tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam và 01 (một) tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép và đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương III Thông tư này.

3. Nhà đầu tư có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt cho từng dự án.

4. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt để chuyển vốn ra nước ngoài trong phạm vi tổng vốn đầu tư và tỷ lệ phần vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

5. Trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc thay đổi tổ chức tín dụng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các bước sau:

- a) Mở tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc tài khoản vốn đầu tư tại tổ chức tín dụng được phép khác;

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương III Thông tư này;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư, nhà đầu tư phải thực hiện chuyển toàn bộ số dư của tài khoản vốn đầu tư đang sử dụng sang tài khoản vốn đầu tư mới. Sau thời hạn nói trên, tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang sử dụng tài khoản vốn đầu tư không cho phép nhà đầu tư sử dụng tài khoản này để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này;

d) Tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác, tài khoản vốn đầu tư tại tổ chức tín dụng được phép khác chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này sau khi hoàn tất các thủ tục nêu tại điểm a, b, c Khoản này.

6. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối, mọi giao dịch thu, chi theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này phải được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư.

7. Thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 6. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu chuyển khoản từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- b) Thu ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Thu lợi nhuận và các thu nhập hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
- d) Thu chuyển vốn đầu tư về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;
- đ) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Các giao dịch thu khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư ra nước ngoài;
- b) Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
- c) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

- d) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép;
- đ) Chi chuyển khoản vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- e) Các giao dịch chi khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 7. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu chuyển khoản từ tài khoản đồng Việt Nam của nhà đầu tư;
- b) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- d) Thu lợi nhuận và thu nhập hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
- đ) Thu chuyển vốn đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;
- e) Các giao dịch thu khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam ra nước ngoài;
- b) Chi chuyển vào tài khoản đồng Việt Nam của nhà đầu tư;
- c) Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
- d) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
- đ) Các giao dịch chi khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương III

ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

- 1. Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.
- 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao

dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp thay đổi liên quan đến nhà đầu tư thực hiện dự án dẫn đến thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, cơ quan xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài ban đầu có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư;

b) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, chuyển toàn bộ bản gốc hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi và bản sao hồ sơ đăng ký, hồ sơ đăng ký thay đổi đã thực hiện của nhà đầu tư (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này để tiếp tục xử lý theo thời hạn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Thông tư này đồng thời thông báo với nhà đầu tư về việc chuyển hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền mới.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

1. Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

4. Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ.

5. Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về số tiền nhà đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với trường hợp đã chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

6. Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam đối với trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam.

Điều 10. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước:

a) Sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư còn hiệu lực theo quy định của pháp luật;

b) Sau khi hoạt động đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận hoặc cấp phép hoặc sau khi nhà đầu tư đã được cấp tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư;

c) Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

2.[\[3\]](#) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này theo một trong ba cách thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (trừ trường hợp nhà đầu tư là tổ chức tín dụng);

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng);

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2a.[\[4\]](#) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2b.[\[5\]](#) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

2c.[\[6\]](#) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ.

4.[\[7\]](#) Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của nhà đầu tư.

5. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 11. Các trường hợp đăng ký, thông báo thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước khi có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài; thay đổi tên nhà đầu tư; thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư đối với trường hợp sự thay đổi này làm thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác, thay đổi nơi mở tài khoản vốn đầu tư;

c) Thay đổi liên quan đến tăng hoặc giảm vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư (trừ trường hợp sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư dự án ở nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư này);

d) Thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài của nhà đầu tư trong trường hợp số tiền chuyển ra nước ngoài trong kỳ nhiều hơn so với tiến độ đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, nhà đầu tư phải thực hiện thông báo bằng văn bản với cơ quan xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư kèm bản sao văn bản điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài khi phát sinh nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư đối với trường hợp sự thay đổi này không làm thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Thay đổi tên dự án đầu tư ở nước ngoài;

c) Thay đổi về số tài khoản trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

1. Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài và số tiền đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi.

3. Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (áp dụng đối với các trường hợp thay đổi quy định tại điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Điều 13. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư phải đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước:

a) Chậm nhất trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư được Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại tổ chức tín dụng được phép, sau khi mở tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép khác và trước khi thực hiện các giao dịch thu, chi trên tài khoản mới đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

c) Sau khi nhà đầu tư được Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và trước khi thực hiện nội dung thay đổi trong trường hợp tăng vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

d) Sau khi nhà đầu tư được Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và chậm nhất trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày chuyển vốn đầu tư về nước trong trường hợp giảm vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

đ) Trước khi thực hiện nội dung thay đổi trong đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2.[\[8\]](#) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi theo một trong ba cách thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (trừ trường hợp nhà đầu tư là tổ chức tín dụng);

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng);

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2a.[\[9\]](#) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc

khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi.

2b.[\[10\]](#) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

2c.[\[11\]](#) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ.

4.[\[12\]](#) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho nhà đầu tư dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

5. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 14. Hiệu lực của văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài

1. Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực khi có quyết định chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong trường hợp này, nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng tài khoản vốn đầu tư để thực hiện giao dịch thu lợi nhuận, các nguồn thu hợp pháp và vốn đầu tư từ nước ngoài về Việt Nam.

2. Khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc giả mạo hồ sơ, tài liệu đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, cơ quan xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này có văn bản gửi nhà đầu tư và tổ chức tín dụng nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư về việc chấm dứt hiệu lực và lý do chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Chương IV

CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 15. Nguyên tắc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư thực hiện đầu tư ra nước ngoài được chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng

các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP.

2. Hạn mức chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP.

3. Việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư phải được thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ trước đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư này.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đúng mục đích theo quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức tín dụng được phép các tài liệu, chứng từ chứng minh việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài phù hợp với mục đích quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP.

6. Tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và số tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài không vượt quá tổng vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

7. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và số tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của mỗi nhà đầu tư không vượt quá phần vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền của nhà đầu tư đó theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

8. Ngân hàng Nhà nước xác nhận số ngoại tệ đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 16. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư

1. Việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của nhà đầu tư trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài chỉ được thực hiện thông qua 01 (một) tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mở tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép.

2. Sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, tài khoản ngoại tệ quy định tại Khoản 1 Điều này phải được sử dụng là tài khoản vốn đầu tư và phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương III Thông tư này.

3. Nhà đầu tư có nhu cầu chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư riêng biệt cho từng dự án.

4. Trường hợp thay đổi tổ chức tín dụng được phép nơi mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư, nhà đầu tư đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện các giao

dịch thu, chỉ trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mới mở sau khi đã đóng và tất toán tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây.

5. Thủ tục mở, đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

6. Mọi giao dịch thu, chi theo quy định tại Điều 17 Thông tư này phải được thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ trước đầu tư.

Điều 17. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư:

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu chuyển khoản từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- b) Thu ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Thu chuyển ngoại tệ về Việt Nam trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hết số tiền chuyển ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài hoặc được bên nước ngoài hoàn lại các khoản chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;
- b) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép;
- c) Chi chuyển khoản vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư.

Chương V

CHUYỂN LỢI NHUẬN, THU NHẬP HỢP PHÁP VÀ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 18. Chuyển lợi nhuận, thu nhập hợp pháp và chuyển vốn đầu tư về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển lợi nhuận, thu nhập hợp pháp và chuyển vốn đầu tư về nước sau khi thanh lý, chấm dứt, giảm vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài.

2. Lợi nhuận, vốn đầu tư và các khoản thu hợp pháp về nước trong trường hợp thanh lý, chấm dứt, giảm vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư phải được chuyển vào tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với trường hợp chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 62 Luật Đầu tư, trước khi thực hiện việc chấm dứt dự án và chuyển toàn bộ vốn đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư phải thông báo với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 19. Sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư dự án ở nước ngoài

1. Nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư ra nước ngoài và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh.

2. Trường hợp dùng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư khác ở nước ngoài, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án đầu tư đó và phải đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương III Thông tư này.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 20. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Tuân thủ các quy định về đầu tư ra nước ngoài, thực hiện việc chuyển vốn ra, vào lãnh thổ Việt Nam và các nội dung liên quan đến đầu tư ra nước ngoài theo các quy định tại Thông tư này.

2. Kê khai trung thực, đầy đủ nội dung thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư; Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo yêu cầu và hướng dẫn của tổ chức tín dụng được phép.

3. Chỉ được chuyển vốn ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài bằng loại ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối. Tổng giá trị vốn đầu tư đăng ký với Ngân hàng Nhà nước không được vượt quá vốn đầu tư của nhà đầu tư bằng loại ngoại tệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính trung thực của tài liệu và nội dung đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền trên tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đúng với các mục đích đã thông báo với tổ chức tín dụng được phép, đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

6. Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Chương VII Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép

1. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư và thực hiện các giao dịch thu, chi trên tài khoản này theo quy định tại Thông tư này và quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

2. Thực hiện mở, đóng tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư theo đề nghị của nhà đầu tư phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Chỉ thực hiện việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo yêu cầu của nhà đầu tư khi nhà đầu tư xuất trình văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước cấp cho nhà đầu tư theo quy định tại Chương III Thông tư này.

4. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các tài liệu, chứng từ phù hợp để xem xét, kiểm tra, đảm bảo các giao dịch chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài phù hợp với mục đích quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP.

6. Xác nhận tài khoản và số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư để Ngân hàng Nhà nước làm cơ sở xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

7. Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Chương VII Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp tổ chức tín dụng được phép đầu tư ra nước ngoài mở tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư tại chính tổ chức tín dụng đó, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Tiếp nhận, xử lý việc đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư theo thẩm quyền được quy định tại Chương III Thông tư này; xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 03, Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trên địa bàn nhằm đáp ứng việc thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương VII Thông tư này.

3. Giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối của nhà đầu tư trên địa bàn.

4. Sao gửi các văn bản sau đây cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) để phối hợp quản lý:

a) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Văn bản chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 23. Trách nhiệm của Vụ Quản lý ngoại hối

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề liên quan đến việc đầu tư ra nước ngoài trong phạm vi Thông tư này.

2. Xử lý việc đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 24. Chế độ báo cáo đối với tổ chức tín dụng được phép

Tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư phải báo cáo tình hình thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư của nhà đầu tư theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 25. Chế độ báo cáo đối với nhà đầu tư

Định kỳ hàng quý (chậm nhất vào ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo), nhà đầu tư phải báo cáo tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này) cho từng dự án đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh.

Điều 26. Chế độ báo cáo đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố phải báo cáo về tình hình xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trên địa bàn theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 27. Yêu cầu báo cáo đột xuất

Các trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng được phép và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH [\[13\]](#)[\[14\]](#)

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 8 năm 2016.

2. [\[15\]](#) (được bãi bỏ)

3. Các trường hợp nhà đầu tư đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép mở thêm tài khoản ngoại tệ để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước thời điểm Thông tư này được ban hành và có hiệu lực, nhà đầu tư được tiếp tục được thực hiện cho đến khi kết thúc hoặc chấm dứt dự án đầu ở nước ngoài.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của các tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.



PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI

LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối)
hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố...

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....;

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,..... ở nước ngoài số..... ngày..... {đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng}
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số..... ngày.....
- Tên Dự án/Tên Hợp đồng BCC:
- Địa điểm thực hiện Dự án:
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:.....
- Giá trị góp vốn của Nhà đầu tư:....., Trong đó:
 - + Bằng tiền:.....
 - + Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác):..... {chi tiết các hình thức góp vốn}

- Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:....

+ Thời gian chuyển:.....

+ Mục đích sử dụng:.....

+ Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số....., mở tại..... ngày.....

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số:..... mở tại:.....

2. Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:.....

3. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

T T	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Giá trị góp vốn khác		
		Ng oại tệ	Quy USD	V N Đ	Ng oại tệ	Quy USD	V N Đ	Ngo ại tệ	Quy USD	VN Đ
1	Quý...Năm.....									
2	Quý...Năm.....									
...									

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

.....
.....

NHÀ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố...

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh số..... ngày.....;

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác về việc thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

{Tên nhà đầu tư} đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố..... về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ:

1. Tên nhà đầu tư:.....
2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số..... ngày.....;
3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....
(liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi);

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:

1. Thay đổi 1.....:
 - Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký:.....
 - Nội dung đề nghị thay đổi:.....
 - Lý do thay đổi:.....
2. Thay đổi n:....
 - Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký:.....
 - Nội dung đề nghị thay đổi:.....

- Lý do thay đổi:.....

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.

2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ đính kèm:

.....



PHỤ LỤC SỐ 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Ngày..... tháng..... năm.....

V/v xác nhận đăng ký giao dịch
ngoại hối liên quan đến hoạt
động đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi:.....

Trả lời đề nghị của.....{Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số..... ngày..... kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... có ý kiến như sau:

1. Xác nhận.....{Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Thông tin về nhà đầu tư, dự án đầu tư và chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:

- Tên nhà đầu tư:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại:
 - Tên dự án/Tên Hợp đồng BCC:
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số:..... Ngày cấp:.....
- Cơ quan cấp:.....

- Địa điểm thực hiện dự án:
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số..... Ngày cấp..... Cơ quan cấp:.....
- Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:.....

- Giá trị góp vốn của nhà đầu tư:.....; trong đó: (i) Bằng tiền:....., (ii) Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác):..... {chi tiết các hình thức góp vốn}.

- Chuyển tiền ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (nếu có): Số tiền đã chuyển:..... Thời gian chuyển:..... Mục đích sử dụng:..... Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số:..... mở tại..... ngày.....

3. Nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của..... {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/ thành phố..... như sau:

- Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {Loại ngoại tệ} số:..... mở tại:.....

- Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:.....

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

T T	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Bằng giá trị góp vốn khác		
		Ngo ại tệ	Quy US D	VN Đ	Ngoạ i tệ	Quy US D	VN Đ	Ngoạ i tệ	Quy US D	VN Đ
1	Quý... Năm..									
2	Quý... Năm..									
....									

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

4. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

5. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố....., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại Điểm 2 và 3 của công văn này.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..... thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHNN (để p/h);
- Tổ chức tín dụng được phép (để p/h);
- Lưu.....

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Ngày..... tháng..... năm.....

V/v xác nhận đăng ký thay đổi
giao dịch ngoại hối liên quan đến
hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi:.....

Trả lời đề nghị của..... {Tên nhà đầu tư} tại Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số..... ngày..... kèm theo hồ sơ liên quan, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/ thành phố..... có ý kiến như sau:

1. Xác nhận..... {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/ thành phố..... theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Nội dung đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của..... {Tên nhà đầu tư} với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... như sau:

2.1. Nội dung thay đổi 1:

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

2.2. Nội dung thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... xác nhận đăng ký:

- Nội dung đề nghị thay đổi:

3. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

4. {Tên nhà đầu tư} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..... không chịu bất cứ

trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {Tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại Điểm 2 của công văn này.

5. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... số..... ngày..... và văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... số..... ngày.....

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thông báo để {Tên nhà đầu tư} biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHNN (để p/h);
- Tổ chức tín dụng được phép (để p/h);
- Lưu.....

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trường hợp xác nhận đăng ký thay đổi về tài khoản vốn đầu tư Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ghi rõ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..... xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, {Tên nhà đầu tư} có trách nhiệm chuyển toàn bộ dư sang tài khoản mới theo công văn này. Đồng thời, tài khoản vốn đầu tư hiện tại số..... mở tại:.....không được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu chi quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số...../2016/TT-NHNN ngày.../.../2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

PHỤ LỤC SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

Tên nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số dự án đầu tư:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
(Quý..... năm.....)

Đơn vị tính: Nghìn USD

S T T	Tên dự án	N ă m c á p p h é p	Nướ c tiếp nhậ n đầu tư	Tổng vốn đầu tư của dự án theo GCN ĐKĐ T	Vốn góp của nhà đầu tư theo GCNĐKĐT			Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐ KĐT	Giá trị góp vốn kỳ báo cáo					Giá trị góp vốn lũy kế					Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp đã chuyển về VN		Vốn đầu tư đã chuyển về VN		Dự kiến nhu cầu chuyển vốn trong quý tiếp theo		Tổ chức tín dụng được phép thực hiện		G h i c h ú
					Vó n tự cố	Vốn vay			Bằ ng tiề n	Lợi nhu ận đượ c phé p giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Gi á trị góp vố n kh á c	Bằ ng tiề n	Lợi nh uậ n đư ợc phé p giữ lại tái đầu tư	Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài	Giá trị góp vố n khá c	Kỳ báo cáo	Lũy kế	K ỳ bá o cá o	Lũ y kế	Bằ ng tiề n	Giá trị góp vốn khác	Tê n ng ân hà ng	Chi nhá nh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Dự án 1																										
2	Dự án 2																										
.																										
Tổng cộng																											

....., ngày..... tháng..... năm....
NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối tượng áp dụng: Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và đã thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản.

4. Đơn vị nhận báo cáo: NHNN chi nhánh, tỉnh thành phố nơi nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh.

XÁC THỰC

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

[1] Thông tư số 31/2018/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.”

[2] Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.”

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

[13] Điều 24 và Điều 25 của Thông tư số 31/2018/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và thay thế Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 28 Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

3. Các trường hợp đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư, xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-NHNN được tiếp tục thực hiện theo văn bản đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của các tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.”

[14] Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 24/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

2. Đối với các hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xem xét, xử lý thì tiếp tục xử lý theo phương thức quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-NHNN, Thông tư số 34/2015/TT-NHNN và Thông tư số 12/2016/TT-NHNN.

3. Bãi bỏ khoản 15 Điều 1 Thông tư số 38/2015/TT-NHNN; khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Thông tư số 15/2021/TT-NHNN.”

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Thông tư số 31/2018/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.